

KẾT QUẢ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ ĐỢT II NĂM 2014

STT	Họ và tên	Khối Thi	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI							Ghi chú	
						Cơ bản (Triết)	Cơ sở (CTQT)	Tổng CB+CS	Kết quả NN					KQ NN
									Đọc - viết	Nghe	Nói	TỔNG		
1	Nguyễn Phương Anh	D1	nữ	07/08/1988	1	4.0	5.5	9.5	40.0	20.0	18.0	78.0	ĐẠT	
2	Nguyễn Quỳnh Anh	D1	nữ	02/07/1983	2	2.0	5.5	7.5	36.0	18.0	14.0	68.0	ĐẠT	
3	Lê Thị Phương Anh	D1	nữ	10/09/1992	3	8.0	6.0	14.0	32.0	11.5	8.0	51.5	ĐẠT	
4	Bùi Nguyên Bảo	D1	nam	24/09/1992	4	9.0	7.0	16.0	29.0	19.0	10.0	58.0	ĐẠT	
5	Chử Ngọc Liên Châu	D1	nữ	26/04/1986	5	7.0	7.5	14.5	49.0	20.0	17.0	86.0	ĐẠT	
6	Phạm Thị Minh Châu	D1	nữ	11/01/1971	6	6.5	5.5	12.0	41.0	19.5	16.0	76.5	ĐẠT	
7	Nguyễn Bá Đạo	D1	nam	19/05/1981	7	2.0	5.5	7.5	25.0	0.0	0.0	25.0	KĐ	
8	Nguyễn Văn Đạt	D1	nam	17/06/1990	8	8.0	6.0	14.0	51.0	19.5	15.0	85.5	ĐẠT	
9	Trương Trọng Đoàn	D1	nam	11/10/1981	9	5.0	6.0	11.0	34.0	18.0	13.0	65.0	ĐẠT	
10	Dương Mạnh Hà	D1	nam	27/03/1987	11	5.0	7.0	12.0	28.0	15.0	12.0	55.0	ĐẠT	
11	Phạm Thị Hải Hà	D1	nữ	10/10/1991	13	2.0	6.0	8.0	47.0	19.5	15.0	81.5	ĐẠT	
12	Nguyễn Thị Thu Hà	D1	nữ	15/02/1992	14	3.0	5.5	8.5	41.0	19.5	12.0	72.5	ĐẠT	
13	Nguyễn Hồng Hà	D1	nữ	19/08/1989	15	5.0	6.0	11.0	30.0	19.0	13.0	62.0	ĐẠT	
14	Lê Minh Hằng	D1	nữ	06/06/1991	16	7.0	6.5	13.5	40.0	17.0	10.0	67.0	ĐẠT	
15	Lương Thị Khánh Hòa	D1	nữ	23/12/1987	17	6.0	5.0	11.0	34.0	17.0	13.0	64.0	ĐẠT	
16	Nguyễn Thị Huệ	D1	nữ	08/04/1976	18	4.0	5.0	9.0	44.0	18.5	10.0	72.5	ĐẠT	
17	Nguyễn Quang Huy	D1	nam	16/12/1987	19	5.0	7.0	12.0	26.0	18.5	8.0	52.5	ĐẠT	
18	Nguyễn Văn Hùng	D1	nam	14/09/1990	20	7.0	5.5	12.5	44.0	20.0	15.0	79.0	ĐẠT	
19	Đàm Phú Hưng	D1	nam	20/10/1989	21	8.5	5.0	13.5	44.0	20.0	9.0	73.0	ĐẠT	
20	Nguyễn Tuấn Hưng	D1	nam	27/11/1988	22	5.5	6.5	12.0	42.0	16.0	13.0	71.0	ĐẠT	
21	Lê Thị Linh	D1	nữ	30/01/1987	24	3.0	5.0	8.0	46.0	14.5	13.5	74.0	ĐẠT	



Tru

22	Hoàng Diệu Linh	D1	nữ	04/03/1981	25	2.0	-	2.0	-	-	-	-	-	
23	Trần Mỹ Linh	D1	nữ	31/12/1991	26	7.0	5.0	12.0	53.0	19.5	15.0	87.5	ĐẠT	
24	Phuong Thúy Linh	D1	nữ	29/07/1983	27	1.0	0.0	1.0	-	-	-	-	-	
25	Nguyễn Diệu Linh	D1	nữ	22/11/1991	28	5.0	6.0	11.0	50.0	18.5	14.0	82.5	ĐẠT	
26	Tạ Thị Loan	D1	nữ	29/12/1987	29	5.0	6.0	11.0	45.0	11.5	10.0	66.5	ĐẠT	
27	Nguyễn Quang Long	D1	nam	29/09/1985	30	2.0	6.0	8.0	38.0	18.5	12.5	69.0	ĐẠT	
28	Nguyễn Văn Lợi	D1	nam	12/08/1981	31	5.0	6.0	11.0	44.0	15.5	14.5	74.0	ĐẠT	
29	Nguyễn Thị Ngọc Mai	D1	nữ	24/07/1988	32	2.0	5.0	7.0	36.0	17.5	14.0	67.5	ĐẠT	
30	Nguyễn Thị Kiều Minh	D1	nữ	28/05/1986	33	1.0	3.5	4.5	43.0	19.5	13.0	75.5	ĐẠT	
31	Trịnh Quang Minh	D1	nam	17/05/1987	34	5.0	6.0	11.0	42.0	18.5	18.0	78.5	ĐẠT	
32	Phạm Văn Nghĩa	D1	nam	20/04/1981	35	4.5	5.5	10.0	35.0	15.0	14.0	64.0	ĐẠT	
33	Đỗ Minh Ngọc	D1	nữ	28/11/1983	36	6.0	4.0	10.0	36.0	18.5	13.5	68.0	ĐẠT	
34	Lương Minh Ngọc	D1	nam	02/11/1989	37	2.0	6.0	8.0	29.0	19.0	13.0	61.0	ĐẠT	
35	Nguyễn Hoàng Nhật	D1	nam	21/10/1988	38	5.0	6.0	11.0	33.0	17.0	13.0	63.0	ĐẠT	
36	Phạm Thị Nhung	D1	nữ	20/10/1987	39	2.0	6.0	8.0	27.0	14.0	10.5	51.5	ĐẠT	
37	Đinh Thị Nhung	D1	nữ	14/02/1990	40	6.0	5.0	11.0	44.0	19.0	16.0	79.0	ĐẠT	
38	Trần Hiệp Quang	D1	nam	30/03/1989	41	5.0	6.0	11.0	36.0	16.0	15.0	67.0	ĐẠT	
39	Lê Hồng Sâm	D1	nữ	05/10/1990	42	7.5	6.0	13.5	39.0	19.0	12.0	70.0	ĐẠT	
40	Nguyễn Thanh Thảo	D1	nữ	19/05/1992	44	5.5	5.5	11.0	49.0	18.5	11.0	78.5	ĐẠT	
41	Nguyễn Thị Thanh Thảo	D1	nữ	01/10/1991	45	5.5	5.5	11.0	52.0	19.5	15.0	86.5	ĐẠT	
42	Nguyễn Thị Thắm	D1	nữ	18/06/1991	46	6.0	5.5	11.5	31.0	12.0	8.0	51.0	ĐẠT	
43	Đậu Thị Quỳnh Trang	D1	nữ	16/04/1989	47	8.0	6.0	14.0	43.0	14.5	12.0	69.5	ĐẠT	
44	Lê Minh Trang	D1	nữ	16/09/1986	49	6.0	6.0	12.0	37.0	15.0	14.0	66.0	ĐẠT	
45	Trần Thu Trang	D1	nữ	02/04/1986	50	5.0	6.5	11.5	33.0	14.5	12.0	59.5	ĐẠT	
46	Hà Thị Huyền Trang	D1	nữ	07/03/1991	51	8.0	5.5	13.5	35.0	15.0	7.0	57.0	ĐẠT	
47	Phạm Gia Trung	D1	nam	10/07/1992	52	5.0	6.5	11.5	41.0	19.5	15.0	75.5	ĐẠT	
48	Nguyễn Mạnh Tuấn	D1	nam	22/10/1985	53	4.5	4.0	8.5	28.0	10.5	11.0	49.5	KĐ	
49	Phạm Minh Tuấn	D1	nam	17/01/1991	54	6.0	5.0	11.0	43.0	18.5	14.0	75.5	ĐẠT	
50	Nguyễn Anh Tuấn	D1	nam	29/10/1972	55	5.0	4.5	9.5	41.0	15.0	9.0	65.0	ĐẠT	
51	Nguyễn Quang Vinh	D1	nam	24/08/1980	56	6.5	5.5	12.0	37.0	11.0	11.0	59.0	ĐẠT	
52	Nguyễn Minh Vũ	D1	nam	03/09/1974	57	0.5	5.5	6.0	23.0	8.0	8.0	39.0	KĐ	
53	Nguyễn Xuân Ngọc	D1	nam	17/08/1975	72	1.5	4.5	6.0	25.0	14.5	10.0	49.5	KĐ	

Truu

54	Nguyễn Thị Thúy An	D3	nữ	25/04/1988	58	6.0	5.5	11.5	37.0	11.0	13.5	61.5	ĐẠT
55	Hà Thị Quỳnh Anh	D3	nữ	07/12/1982	59	6.0	6.0	12.0	46.0	18.0	20.0	84.0	ĐẠT
56	Vũ Thúy Hà	D3	nữ	12/08/1971	60	3.0	5.0	8.0	49.0	19.0	18.0	86.0	ĐẠT
57	Tạ Đăng Quang	D3	nam	10/02/1977	61	1.5	3.0	4.5	35.5	13.0	13.0	61.5	ĐẠT
58	Phạm Kim Thoa	D3	nữ	24/10/1984	62	5.0	4.5	9.5	36.0	13.0	9.0	58.0	ĐẠT
59	Lê Anh Tuấn	D3	nam	05/12/1992	63	3.0	7.0	10.0	32.0	14.0	14.0	60.0	ĐẠT
60	Trần Tiến Đạt	D4	nam	10/05/1985	64	6.0	5.5	11.5	34.0	10.0	12.0	56.0	ĐẠT
61	Vương Đoàn Đức	D4	nam	15/11/1992	65	5.0	6.0	11.0	39.0	15.0	19.0	73.0	ĐẠT
62	Bùi Thanh Hải	D4	nam	01/12/1988	66	5.0	3.5	8.5	35.0	15.0	16.0	66.0	ĐẠT
63	Nguyễn Thị Minh Hằng	D4	nữ	24/08/1992	67	7.5	8.0	15.5	30.0	13.0	7.0	50.0	ĐẠT
64	Văn Hải Linh	D4	nam	31/07/1992	68	1.0	2.0	3.0	13.0	12.0	10.0	35.0	KĐ
65	Hoàng Minh Thái	D4	nam	21/02/1990	69	2.0	3.5	5.5	40.0	12.0	11.0	63.0	ĐẠT
66	Phạm Huyền Trang	D4	nữ	03/04/1992	70	8.0	6.0	14.0	34.0	15.0	10.0	59.0	ĐẠT
67	Nguyễn Thị Thanh Tú	D4	nữ	26/05/1991	71	8.0	6.0	14.0	41.0	12.0	9.0	62.0	ĐẠT

Người lập bảng

Trần

Đỗ Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2014

